

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000363	Đổng Nguyễn Xuân An	16	10A1
2	000056	Nguyễn Võ Khánh An	3	10A1
3	000005	Dương Phương Anh	1	10A1
4	000099	Nguyễn Phước Quỳnh Anh	5	10A1
5	000499	Trần Gia Bảo	21	10A1
6	000534	Lê Tự Hoàng Chí	22	10A1
7	000357	Hồ Chí Dũng	15	10A1
8	000113	Nguyễn Lương Duyên	5	10A1
9	000068	Trần Minh Đăng	3	10A1
10	000382	Lê Công Đức	16	10A1
11	000264	Lê Nguyễn Trà Giang	11	10A1
12	000267	Trần Quỳnh Giang	12	10A1
13	000275	Nguyễn Trần Ngọc Hân	12	10A1
14	000048	Lâm Nguyễn Thanh Hoài	2	10A1
15	000156	Nguyễn Huy Hoàng	7	10A1
16	000145	Phạm Đức Thiên Hoàng	7	10A1
17	000106	Nguyễn Ngọc Ánh Hồng	5	10A1
18	000150	Nguyễn Quang Huy	7	10A1
19	000396	Vũ Xuân Trường Huy	17	10A1
20	000544	Nguyễn Quang Khánh	23	10A1
21	000292	Trần Minh Khởi	13	10A1
22	000298	Mai Hoàng Minh	13	10A1
23	000242	Nguyễn Đỗ Thu Ngân	11	10A1
24	000204	Đoàn Lê Phương Nghi	9	10A1
25	000014	Vũ Hà Như Ngọc	1	10A1
26	000302	Nguyễn Song Nguyên	13	10A1
27	000364	Võ Văn Nhân	16	10A1
28	000015	Nguyễn Hoàng Yến Như	1	10A1
29	000299	Nguyễn Quỳnh Như	13	10A1
30	000167	Trần Cam Pha	7	10A1
31	000018	Hồ Công Gia Phúc	1	10A1
32	000314	Lương Anh Quân	14	10A1
33	000372	Nguyễn Hoàng Quân	16	10A1
34	000239	Nguyễn Tú Quỳnh	10	10A1
35	000349	Tổng Hồng Thái	15	10A1
36	000383	Bùi Hoàng Anh Thy	16	10A1
37	000577	Nguyễn Duy Minh Trí	24	10A1
38	000128	Trần Thanh Trí	6	10A1
39	000092	Vương Minh Trí	4	10A1
40	000098	Nguyễn Minh Triết	5	10A1
41	000377	Hoàng Anh Tú	16	10A1
42	000157	Trần Nhật Viên	7	10A1
43	000575	Nguyễn Công Toại	24	10A1

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000297	Nguyễn Hoàng Anh	13	10A2
2	000008	Nguyễn Hoàng Phương Anh	1	10A2
3	000530	Nguyễn Tuấn Anh	22	10A2
4	000440	Đặng Gia Bảo	19	10A2
5	000211	Đỗ Văn Bình	9	10A2
6	000202	Uông Thị Thanh Bình	9	10A2
7	000494	Võ Thục Minh Châu	21	10A2
8	000139	Nguyễn Công Danh	6	10A2
9	000134	Huỳnh Đức Duy	6	10A2
10	000177	Nguyễn Hoàng Duy	8	10A2
11	000386	Phạm Tiến Đạt	17	10A2
12	000345	Lê Minh Hiếu	15	10A2
13	000466	Nguyễn Ngọc Tuấn Hoàng	20	10A2
14	000451	Nguyễn Bá Huy	19	10A2
15	000424	Nguyễn Quang Huy	18	10A2
16	000394	Phan Minh Huy	17	10A2
17	000273	Võ Trần Chí Khang	12	10A2
18	000317	Lương Quốc Khánh	14	10A2
19	000148	Nguyễn Hữu Khoa	7	10A2
20	000289	Nguyễn Thị Hoàng Lan	13	10A2
21	000547	Trần Đặng Gia Long	23	10A2
22	000551	Nguyễn Ngọc Thiên Minh	23	10A2
23	000078	Trần Ngọc Văn Nghi	4	10A2
24	000341	Lê Vũ Hạnh Nguyên	15	10A2
25	000231	Châu Ngọc Thảo Nhi	10	10A2
26	000366	Phạm Hoàng Phương Nhi	16	10A2
27	000556	Nguyễn Hoàng Phúc	23	10A2
28	000337	Phạm Gia Phúc	15	10A2
29	000558	Võ Phạm Hồng Phúc	23	10A2
30	000182	Huỳnh Đoàn Yên Phương	8	10A2
31	000094	Nguyễn Nhật Quang	4	10A2
32	000027	Phạm Nguyễn Ngọc Quang	2	10A2
33	000465	Trần Minh Quang	20	10A2
34	000561	Trịnh Minh Quang	24	10A2
35	000227	Đào Vũ Dịu Thanh	10	10A2
36	000116	Trương Nguyễn Thanh Thảo	5	10A2
37	000493	Lâm Trịnh Anh Thắng	21	10A2
38	000181	Đặng Minh Thư	8	10A2
39	000421	Nguyễn Ngọc Đoàn Trang	18	10A2
40	000183	Nguyễn Thiên Trang	8	10A2
41	000155	Nguyễn Thanh Tú	7	10A2
42	000270	Trần Huỳnh Mỹ Tú	12	10A2
43	000104	Đinh Ngọc Vương	5	10A2
44	000422	Lâm Bảo Vy	18	10A2
45	000060	Nguyễn Thủy Vy	3	10A2

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000613	Đặng Minh An	26	10A3
2	000605	Bùi Hoàng Phương Anh	25	10A3
3	000649	Đào Hoàng Trâm Anh	28	10A3
4	000640	Lưu Đình Bảo Anh	27	10A3
5	000632	Nguyễn Đỗ Phương Anh	27	10A3
6	000650	Nguyễn Lan Anh	28	10A3
7	000614	Nguyễn Ngọc Phương Anh	26	10A3
8	000634	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	27	10A3
9	000648	Phạm Lý Trúc Anh	28	10A3
10	000638	Trần Bảo Đan	27	10A3
11	000622	Trần Hải Hà	26	10A3
12	000660	Ngô Thanh Hiền	28	10A3
13	000652	Phạm Trung Hiếu	28	10A3
14	000661	Nguyễn Đức Hoàng	28	10A3
15	000603	Huỳnh Khánh Linh	25	10A3
16	000639	Trần Như Trúc Linh	27	10A3
17	000630	Lê Hoàng Khánh Ly	27	10A3
18	000636	Nguyễn Trần Yến Ngọc	27	10A3
19	000629	Phạm Nguyễn Khôi Nguyên	27	10A3
20	000610	Đoàn Yến Nhi	26	10A3
21	000663	Trần Ngọc Nhi	28	10A3
22	000658	Trần Phú	28	10A3
23	000611	Nguyễn Vũ Minh Phương	26	10A3
24	000606	Mai Đỗ Quyên	26	10A3
25	000626	Lương Thị Thanh Thảo	27	10A3
26	000598	Phạm Thị Phương Thảo	25	10A3
27	000608	Nguyễn Hữu Thắng	26	10A3
28	000657	Nguyễn Trường Thịnh	28	10A3
29	000599	Phạm Thị Hà Thu	25	10A3
30	000604	Dương Huỳnh Minh Thư	25	10A3
31	000646	Trần Diệu Tiên	28	10A3
32	000587	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	25	10A3
33	000592	Nguyễn Khánh Trân	25	10A3
34	000651	Nguyễn Lê Bảo Trân	28	10A3
35	000643	Đỗ Lê Minh Trúc	27	10A3
36	000596	Nguyễn Lê Thanh Trúc	25	10A3
37	000628	Đỗ Mộng Tuyết	27	10A3
38	000641	Dương Thị Ngọc Vân	27	10A3
39	000607	Nguyễn Thị Thảo Vy	26	10A3

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000595	Nguyễn Lê Thanh An	25	10A4
2	000612	Trần Thị Hà An	26	10A4
3	000590	Lại Phương Anh	25	10A4
4	000619	Tôn Mỹ Anh	26	10A4
5	000631	Nguyễn Phạm Thiên Ân	27	10A4
6	000654	Nguyễn Trần Gia Bảo	28	10A4
7	000600	Lê Ngọc Minh Châu	25	10A4
8	000594	Trần Thùy Dung	25	10A4
9	000627	Nguyễn Quỳnh Giao	27	10A4
10	000645	Nguyễn Ngọc Hân	27	10A4
11	000656	Lê Khánh Huyền	28	10A4
12	000644	Nguyễn Xuân Hương	27	10A4
13	000602	Lâm Đình Quốc Khánh	25	10A4
14	000597	Lê Anh Kiệt	25	10A4
15	000620	Bùi Nhật Khánh Linh	26	10A4
16	000617	Trần Thạch Phúc Linh	26	10A4
17	000655	Huỳnh Thị Kim Loan	28	10A4
18	000586	Lưu Nhật Mai	25	10A4
19	000609	Ngô Thùy Mai	26	10A4
20	000623	Trần Lê Xuân Mai	26	10A4
21	000593	Dương Khải My	25	10A4
22	000601	Võ Hoàng Phương Nghi	25	10A4
23	000635	Trần Minh Ngọc	27	10A4
24	000618	Lê Nguyễn Thảo Nhi	26	10A4
25	000664	Vũ Hoàng Yến Nhi	28	10A4
26	000659	Ngô Phi Phụng	28	10A4
27	000647	Phạm Uyên Phương	28	10A4
28	000615	Lâm Thanh Trúc Quỳnh	26	10A4
29	000624	Nguyễn Đỗ Phương Quỳnh	26	10A4
30	000633	Vũ Văn Tân	27	10A4
31	000642	Võ Tấn Thiện	27	10A4
32	000591	Huỳnh Minh Thư	25	10A4
33	000625	Bùi Phương Trang	26	10A4
34	000637	Nghiêm Bảo Trâm	27	10A4
35	000621	Trần Thụy Thảo Trúc	26	10A4
36	000616	Chu Diệp Phương Uyên	26	10A4
37	000588	Lê Tường Vy	25	10A4
38	000589	Dương Hạnh Xuân	25	10A4
39	000653	Phạm Ngọc Quỳnh Hương	28	10A4
40	000662	Phạm Ánh Dương	28	10A4

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000350	Phan Hữu Minh An	15	10A5
2	000315	Lê Vũ Lam Anh	14	10A5
3	000007	Nguyễn Lan Anh	1	10A5
4	000144	Hoàng Thiên Bảo	6	10A5
5	000397	Doãn Văn Công Chiến	17	10A5
6	000381	Trần Đức Chính	16	10A5
7	000355	Dương Phạm Thùy Dương	15	10A5
8	000368	Nguyễn Huỳnh Minh Đức	16	10A5
9	000129	Hoàng Lê Hương Giang	6	10A5
10	000352	Lê Việt Mỹ Hạnh	15	10A5
11	000399	Nguyễn Mai Văn Hào	17	10A5
12	000087	Nguyễn Ngọc Hân	4	10A5
13	000291	Đậu Quang Huy	13	10A5
14	000321	Huỳnh Ngô Nhựt Huy	14	10A5
15	000309	Nguyễn Hưng	13	10A5
16	000100	Phạm Gia Hưng	5	10A5
17	000079	Vũ Thu Hương	4	10A5
18	000038	Châu Ngọc Khanh	2	10A5
19	000389	Nguyễn Duy Khánh	17	10A5
20	000378	Nguyễn Vũ Thiên Khôi	16	10A5
21	000159	Hồ Thiên Kim	7	10A5
22	000398	Mai Thanh Lâm	17	10A5
23	000356	Nguyễn Đình Bảo Long	15	10A5
24	000153	Bùi Khánh Ly	7	10A5
25	000160	Nguyễn Đức Minh	7	10A5
26	000080	Đinh Nguyễn Trung Nam	4	10A5
27	000395	Trần Nguyễn Bích Ngọc	17	10A5
28	000158	Trần Thị Bảo Ngọc	7	10A5
29	000132	Nguyễn Anh Nhật	6	10A5
30	000318	Nguyễn Hồ Thanh Nhi	14	10A5
31	000384	Bùi Trí Nhuận	16	10A5
32	000326	Phùng Tịnh Như	14	10A5
33	000245	Vũ Nam Phương	11	10A5
34	000193	Lê Minh Quân	9	10A5
35	000392	Lê Kiến Tân	17	10A5
36	000564	Nguyễn Phúc Tấn	24	10A5
37	000565	Dương Tiến Thành	24	10A5
38	000566	Bùi Thanh Thảo	24	10A5
39	000567	Đoàn Trọng Thiên	24	10A5
40	000568	Vũ Minh Thiện	24	10A5
41	000569	Vòng Thành Thu	24	10A5
42	000570	Phan Ngọc Minh Thư	24	10A5
43	000572	Huỳnh Việt Thy	24	10A5
44	000573	Cao Thiên Cát Tiên	24	10A5
45	000574	Nguyễn Đình Bảo Tín	24	10A5
46	000580	Vũ Thanh Vân	24	10A5

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000413	Nguyễn Hồ Bình An	18	10A6
2	000105	Nguyễn Thủy An	5	10A6
3	000316	Đào Minh Anh	14	10A6
4	000491	Lê Nguyễn Hồng Anh	21	10A6
5	000456	Nguyễn Thị Ngọc Anh	19	10A6
6	000455	Phạm Nguyễn Minh Anh	19	10A6
7	000294	Hứa Văn Ân	13	10A6
8	000367	Nguyễn Lục Bảo	16	10A6
9	000029	Lê Ngọc Bảo Châu	2	10A6
10	000471	Lê Trần Chung	20	10A6
11	000375	Phạm Tùng Dương	16	10A6
12	000046	Huỳnh Trọng Đạo	2	10A6
13	000083	Nguyễn Thành Đạt	4	10A6
14	000432	Nguyễn Thị Thu Hằng	18	10A6
15	000492	Lương Gia Huy	21	10A6
16	000529	Bùi Thế Hưng	22	10A6
17	000463	Nguyễn Khang Hy	20	10A6
18	000441	Nguyễn Vũ Đăng Khoa	19	10A6
19	000241	Phan Anh Khôi	11	10A6
20	000517	Hoàng Đỗ Nhật Linh	22	10A6
21	000147	Đào Hữu Lộc	7	10A6
22	000415	Trần Ngọc Kiều My	18	10A6
23	000325	Nguyễn Thị Thảo Nghi	14	10A6
24	000512	Trần Đoàn Hồng Ngọc	22	10A6
25	000280	Lưu Phùng Khải Nguyên	12	10A6
26	000504	Nguyễn Trí Nguyên	21	10A6
27	000497	Trần Hoàng Nguyên	21	10A6
28	000464	Đỗ Thị Hồng Nhung	20	10A6
29	000093	Lâm Phi Nhung	4	10A6
30	000234	Nguyễn Hồ Yên Như	10	10A6
31	000205	Hà Thanh Sơn	9	10A6
32	000246	Phan Chí Tấn	11	10A6
33	000163	Nguyễn Thanh Thảo	7	10A6
34	000443	Trần Hưng Thịnh	19	10A6
35	000166	Đỗ Trịnh Thanh Thùy	7	10A6
36	000446	Nguyễn Trúc Hoài Thương	19	10A6
37	000484	Hà Thân Anh Thy	20	10A6
38	000500	Trần Trung Tín	21	10A6
39	000393	Nguyễn Ngọc Trang	17	10A6
40	000121	Trần Nguyễn Thùy Trang	6	10A6
41	000323	Nguyễn Cao Trí	14	10A6
42	000439	Đặng Ngọc Kiều Trinh	19	10A6
43	000365	Phạm Phương Trinh	16	10A6
44	000293	Nguyễn Thanh Trúc	13	10A6
45	000402	Phan Thị Thanh Vy	17	10A6
46	000502	Nguyễn Quỳnh Anh	21	10A6

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000170	Đỗ Ngọc Minh Anh	8	10A7
2	000520	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	22	10A7
3	000351	Nguyễn Ngọc Minh Anh	15	10A7
4	000447	Phan Anh	19	10A7
5	000509	Trịnh Phương Anh	21	10A7
6	000510	Lê Thiên Bảo	21	10A7
7	000190	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	8	10A7
8	000102	Nguyễn Đức Duy	5	10A7
9	000274	Trần Hoàng Đạt	12	10A7
10	000232	Trần Ngô Thành Đạt	10	10A7
11	000283	Phan Ngọc Trường Huy	12	10A7
12	000435	Võ Dương Nhật Hưng	18	10A7
13	000169	Lê Phương Khanh	8	10A7
14	000026	Huỳnh Nguyễn Tấn Khoa	2	10A7
15	000250	Trần Đăng Khoa	11	10A7
16	000507	Vũ Trần Minh Khôi	21	10A7
17	000348	Lâm Hào Kiệt	15	10A7
18	000086	Hoàng Công Lý	4	10A7
19	000400	Trần Công Minh	17	10A7
20	000473	Trần Duy Minh	20	10A7
21	000303	Trần Hoàng Hồng Minh	13	10A7
22	000476	Vũ Lê Đức Minh	20	10A7
23	000412	Nguyễn Trần Quốc Nam	18	10A7
24	000416	Nguyễn Hoàng Ánh Ngọc	18	10A7
25	000342	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	15	10A7
26	000322	Viên Thụy Thanh Ngọc	14	10A7
27	000427	Dương Thị Quỳnh Như	18	10A7
28	000525	Lê Quỳnh Như	22	10A7
29	000531	Sú Tú Ái Như	22	10A7
30	000490	Trịnh Thế Phú	21	10A7
31	000454	Nguyễn Diên Phúc	19	10A7
32	000222	Đỗ Khánh Quân	10	10A7
33	000343	Nguyễn Minh Tâm	15	10A7
34	000480	Phạm Thị Anh Thu	20	10A7
35	000362	Nguyễn Trịnh Anh Thụy	16	10A7
36	000359	Phạm Nguyễn Thanh Thư	15	10A7
37	000198	Phan Trung Tín	9	10A7
38	000423	Trần Thanh Trà	18	10A7
39	000186	Hoàng Thị Ngọc Trang	8	10A7
40	000288	Hồ Thị Thanh Trúc	12	10A7
41	000462	Huỳnh Phạm Tuyền	20	10A7
42	000505	Ông Quốc Thiên Tường	21	10A7
43	000419	Hứa Hiền Vinh	18	10A7
44	000511	Nguyễn Phạm Thảo Vy	22	10A7
45	000486	Phạm Thảo Vy	21	10A7
46	000437	Trần Thị Hải Yến	19	10A7

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000257	Lê Phạm Thủy An	11	10A8
2	000532	Nguyễn Ngọc Thiên An	22	10A8
3	000138	Lê Phương Anh	6	10A8
4	000025	Lê Thị Ngọc Anh	2	10A8
5	000095	Nguyễn Thủy Anh	4	10A8
6	000081	Phạm Quốc Bảo	4	10A8
7	000229	Nguyễn Ngọc Diễm	10	10A8
8	000522	Nguyễn Cao Ý Duyên	22	10A8
9	000052	Đặng Thị Thủy Dương	3	10A8
10	000536	Nguyễn Phúc Thành Đạt	23	10A8
11	000479	Đinh Hương Giang	20	10A8
12	000308	Nguyễn Kiều Gia Hân	13	10A8
13	000489	Ngô Đình Quang Huy	21	10A8
14	000254	Phạm Quỳnh Hương	11	10A8
15	000286	Mai Phương Khanh	12	10A8
16	000164	Lê Diễm Vinh Khánh	7	10A8
17	000226	Phạm Minh Khuê	10	10A8
18	000546	Phạm Nguyễn Ngọc Linh	23	10A8
19	000527	Vũ Thùy Linh	22	10A8
20	000258	Nguyễn Trần Trung Linh	11	10A8
21	000549	Phạm Lâm Phước Lộc	23	10A8
22	000387	Trương Hữu Lộc	17	10A8
23	000523	Phạm Tài Nam	22	10A8
24	000191	Nguyễn Xuân Hồng Ngân	8	10A8
25	000172	Trần Phan Thanh Ngân	8	10A8
26	000488	Châu Trần Phương Nghi	21	10A8
27	000062	Ngô Thị Bích Ngọc	3	10A8
28	000339	Nguyễn Thị Như Ngọc	15	10A8
29	000410	Vũ Lê Yến Ngọc	17	10A8
30	000111	Lê Huỳnh Nhu	5	10A8
31	000304	Nguyễn Tấn Phát	13	10A8
32	000559	Lê Long Phúc	23	10A8
33	000124	Hồ Ngọc Thiên Phước	6	10A8
34	000470	Lê Hoàng Uyên Phương	20	10A8
35	000162	Phạm Nguyễn Nam Phương	7	10A8
36	000562	Đào Nhật Quang	24	10A8
37	000259	Lê Nguyễn Minh Quang	11	10A8
38	000089	Trần Kim Quốc	4	10A8
39	000009	Hồ Thanh Thảo	1	10A8
40	000266	Nguyễn Thị Thanh Thùy	12	10A8
41	000127	Phan Trung Tín	6	10A8
42	000576	Đinh Phương Trâm	24	10A8
43	000006	Trần Ngọc Hải Triều	1	10A8
44	000483	Lê Nữ Hoàng Vy	20	10A8

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000133	Hoàng Hồng Anh	6	10A9
2	000057	Hồ Minh Anh	3	10A9
3	000300	Phan Trần Sơn Bách	13	10A9
4	000240	Đỗ Khánh Bình	10	10A9
5	000230	Vũ Hoàng Dung	10	10A9
6	000063	Bùi Quang Đoàn	3	10A9
7	000285	Lê Đình Anh Đức	12	10A9
8	000151	Trần Minh Đức	7	10A9
9	000047	Phạm Thế Gia	2	10A9
10	000360	Tôn Nữ Tịnh Hà	15	10A9
11	000334	Nguyễn Minh Hải	14	10A9
12	000024	Nguyễn Thành Hiếu	1	10A9
13	000459	Trần Đức Hòa	19	10A9
14	000320	Bùi Minh Hoàng	14	10A9
15	000004	Nguyễn Minh Hoàng	1	10A9
16	000353	Phan Minh Hùng	15	10A9
17	000135	Nguyễn Đăng Huy	6	10A9
18	000096	Trần Tấn Huy	4	10A9
19	000043	Nguyễn Thế Hưng	2	10A9
20	000406	Nguyễn Quỳnh Hương	17	10A9
21	000022	Đặng Anh Khoa	1	10A9
22	000088	Nguyễn Lê Đăng Khoa	4	10A9
23	000065	Trần Lê Nhật Khôi	3	10A9
24	000021	Vũ Hoàng Anh Kiệt	1	10A9
25	000073	Trần Gia Lộc	4	10A9
26	000295	Lê Hoàng Nam	13	10A9
27	000418	Đào Lưu Hiếu Ngân	18	10A9
28	000055	Phạm Hoàng Thiên Ngân	3	10A9
29	000066	Lê Nguyễn Gia Nguyên	3	10A9
30	000141	Nguyễn Hoàng Thảo Nhi	6	10A9
31	000187	Nguyễn Trần Thiên Nhi	8	10A9
32	000103	Phan Như Quỳnh	5	10A9
33	000137	Trần Minh Tài	6	10A9
34	000251	Bùi Nguyễn Minh Tâm	11	10A9
35	000114	Nguyễn Bảo Uyên Thi	5	10A9
36	000228	Nguyễn Ngọc Thanh Thư	10	10A9
37	000333	Nguyễn Song Minh Thư	14	10A9
38	000091	Lý Minh Toàn	4	10A9
39	000184	Võ Đức Trí	8	10A9
40	000261	Đặng Tuyết Trinh	11	10A9
41	000310	Trần Ngọc Phương Trinh	13	10A9
42	000012	Nguyễn Huy Trọng	1	10A9
43	000040	Vũ Minh Tuấn	2	10A9
44	000487	Đoàn Ngọc Ánh Tuyết	21	10A9
45	000247	Đỗ Bạch Diễm Uyên	11	10A9
46	000218	Đỗ Quý Xuân Viên	10	10A9

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000042	Hồ Gia An	2	10A10
2	000450	Lê Hồng Anh	19	10A10
3	000058	Nguyễn Ngọc Vân Anh	3	10A10
4	000469	Nguyễn Quang Tuấn Anh	20	10A10
5	000207	Phạm Trần Đức Anh	9	10A10
6	000054	Trương Nguyễn Ngọc Dung	3	10A10
7	000248	Đoàn Quang Đăng	11	10A10
8	000376	Nguyễn Thị Hà	16	10A10
9	000537	Lê Minh Hải	23	10A10
10	000249	Phạm Thị Thanh Hằng	11	10A10
11	000307	Mai Ngọc Bảo Hân	13	10A10
12	000244	Nguyễn Mai Gia Hân	11	10A10
13	000168	Đỗ Minh Hiền	7	10A10
14	000059	Phạm Quốc Huy	3	10A10
15	000032	Mai Thu Huyền	2	10A10
16	000075	Nguyễn Đức Minh Hưng	4	10A10
17	000332	Lê Tự Tuấn Khanh	14	10A10
18	000518	Vũ Nguyên Long	22	10A10
19	000238	Dương Đức Mạnh	10	10A10
20	000361	Nguyễn Duy Khải Minh	16	10A10
21	000036	Nguyễn Trần Nhật Nam	2	10A10
22	000171	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	8	10A10
23	000115	Nguyễn Quế Ngọc	5	10A10
24	000552	Võ Thành Nhân	23	10A10
25	000090	Nguyễn Đức Phát	4	10A10
26	000555	Nguyễn Văn Bảo Phúc	23	10A10
27	000560	Phan Đại Phước	23	10A10
28	000221	Đỗ Thị Ngọc Phương	10	10A10
29	000370	Lê Minh Quân	16	10A10
30	000053	Võ Minh Quân	3	10A10
31	000216	Võ Ngọc Như Quỳnh	9	10A10
32	000265	Đặng Xuân Thi	12	10A10
33	000260	Trần Minh Thông	11	10A10
34	000252	Nguyễn Thị Minh Thư	11	10A10
35	000034	Trần Thị Thủy Tiên	2	10A10
36	000214	Võ Thanh Toàn	9	10A10
37	000097	Trịnh Huyền Trang	5	10A10
38	000263	Phạm Bích Trâm	11	10A10
39	000319	Vũ Hà Văn	14	10A10
40	000408	Huỳnh Xuân Hoàn Vũ	17	10A10
41	000028	Phan Thùy Diễm Vy	2	10A10
42	000149	Huỳnh Hồ Kim Yến	7	10A10
43	000515	Lê Nguyễn Bảo Duy	22	10A10
44	000220	Phan Minh Khoa	10	10A10
45	000209	Nhữ Quỳnh Anh	9	10A10

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000327	Cao Ngọc Phương Anh	14	10A11
2	000519	Cao Thái Bảo	22	10A11
3	000119	Lê Việt Thái Bảo	5	10A11
4	000112	Quan Toại Công	5	10A11
5	000070	Lêu Tiến Dũng	3	10A11
6	000501	Trần Tùng Dương	21	10A11
7	000521	Nguyễn Cơ Điền	22	10A11
8	000212	Hà Ngọc Hiền	9	10A11
9	000429	Nguyễn Bá Hiệp	18	10A11
10	000219	Hồ Đoàn Gia Huy	10	10A11
11	000385	Trịnh Quang Huy	16	10A11
12	000506	Vũ Duy Khánh	21	10A11
13	000436	Phạm Đăng Khoa	19	10A11
14	000143	Nguyễn Huỳnh Thanh Lam	6	10A11
15	000388	Chu Hoàng Long	17	10A11
16	000195	Trần Xuân Lộc	9	10A11
17	000003	Cao Dương Thành Luân	1	10A11
18	000188	Nguyễn Hàn Hoài Nam	8	10A11
19	000175	Trần Duy Nam	8	10A11
20	000002	Mai Võ Yến Ngọc	1	10A11
21	000108	Nguyễn Minh Nhật	5	10A11
22	000208	Nguyễn Lữ Song Nhi	9	10A11
23	000417	Nguyễn Thị Tú Nhi	18	10A11
24	000223	Trần Yến Nhi	10	10A11
25	000180	Chang Bùi Bội Như	8	10A11
26	000196	Nguyễn Quỳnh Như	9	10A11
27	000020	Nguyễn Mạnh Phát	1	10A11
28	000074	Phạm Tân Phát	4	10A11
29	000085	Lê Thanh Phong	4	10A11
30	000017	Ngô Thị Kim Phượng	1	10A11
31	000016	Nguyễn Văn Nam Quang	1	10A11
32	000514	Trần Nhật Quang	22	10A11
33	000045	Nguyễn Minh Thủy	2	10A11
34	000197	Phạm Huỳnh Thanh Thư	9	10A11
35	000571	Trương Thị Diệu Thương	24	10A11
36	000101	Lê Quỳnh Trâm	5	10A11
37	000481	Trần Nguyễn Khánh Trân	20	10A11
38	000371	Phạm Nguyễn Tấn Trọng	16	10A11
39	000460	Nguyễn Mai Uyên	19	10A11
40	000579	Vương Thanh Uyên	24	10A11
41	000581	Lê Công Vinh	24	10A11
42	000584	Bùi Thị Phương Yên	24	10A11
43	000542	Tổng Mặc Khải	23	10A11

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000526	Phạm Hải Anh	22	10A12
2	000448	Nguyễn Lê Duy Bảo	19	10A12
3	000533	Vũ Quốc Bảo	22	10A12
4	000478	Đinh Xuân Cường	20	10A12
5	000535	Nguyễn Hồ Ngọc Duy	22	10A12
6	000050	Trần Đình Anh Duy	3	10A12
7	000445	Trần Thị Mỹ Duyên	19	10A12
8	000467	Vũ Bảo Minh Đan	20	10A12
9	000513	Lưu Minh Đức	22	10A12
10	000276	Võ Thúy Hằng	12	10A12
11	000340	Nguyễn Vương Gia Hân	15	10A12
12	000225	Phạm Lại Gia Hân	10	10A12
13	000374	Nguyễn Thị Mỹ Hoàn	16	10A12
14	000541	Lê Trần Quang Huy	23	10A12
15	000477	Trịnh Thị Thu Hương	20	10A12
16	000284	Đặng Minh Khoa	12	10A12
17	000379	Nguyễn Bùi Huỳnh Khương	16	10A12
18	000508	Dương Anh Kiệt	21	10A12
19	000301	Nguyễn Trương Thanh Lam	13	10A12
20	000528	Bùi Hoàng Lâm	22	10A12
21	000369	Nguyễn Đào Xuân Linh	16	10A12
22	000405	Nguyễn Gia Long	17	10A12
23	000548	Trương Vũ Hoàng Lộc	23	10A12
24	000279	Đoàn Thoại Kim Ngân	12	10A12
25	000255	Trần Thanh Ngân	11	10A12
26	000123	Trần Trung Nguyên	6	10A12
27	000278	Nguyễn Hồng Nhật	12	10A12
28	000453	Nguyễn Thụy Khả Nhi	19	10A12
29	000023	Trần Thị Thảo Như	1	10A12
30	000126	Nguyễn Bình Phương Nữ	6	10A12
31	000277	Chung Nguyễn Thanh Sang	12	10A12
32	000122	Lê Quốc Sư	6	10A12
33	000152	Nguyễn Trường Tài	7	10A12
34	000346	Hoàng Mỹ Tâm	15	10A12
35	000524	Hồ Hoàng Như Tâm	22	10A12
36	000178	Võ Thị Như Tâm	8	10A12
37	000154	Đoàn Thị Phương Thảo	7	10A12
38	000269	Huỳnh Thị Anh Thi	12	10A12
39	000434	Đỗ Hoàng Thiện	18	10A12
40	000449	Phạm Ngọc Anh Thư	19	10A12
41	000217	Phạm Nguyên Toàn	10	10A12
42	000425	Lê Nguyễn Huyền Trân	18	10A12
43	000545	Lê Quốc Khánh	23	10A12
44	000554	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	23	10A12
45	000550	Cam Xuân Lộc	23	10A12

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000173	Lê Đoàn Bảo An	8	10A13
2	000306	Mai Thị Thúy An	13	10A13
3	000199	Phạm Thanh An	9	10A13
4	000282	Hoàng Minh Anh	12	10A13
5	000253	Nguyễn Nhật Quỳnh Anh	11	10A13
6	000201	Trần Ngọc Lan Anh	9	10A13
7	000243	Phạm Hoàng Thiên Bảo	11	10A13
8	000485	Vũ Nguyễn Bình	20	10A13
9	000296	Nguyễn Khánh Duy	13	10A13
10	000019	Đỗ Ngọc Thùy Dương	1	10A13
11	000033	Hoàng Thị Thùy Dương	2	10A13
12	000194	Nguyễn Phạm Minh Đan	9	10A13
13	000407	Bùi Thị Quỳnh Giang	17	10A13
14	000161	Nguyễn Thị Hạnh	7	10A13
15	000206	Lê Thị Xuân Hiền	9	10A13
16	000411	Huỳnh Gia Hoàng	18	10A13
17	000071	Nguyễn Phi Hoàng	3	10A13
18	000433	Đồng Nguyễn Gia Huy	18	10A13
19	000516	Lê Hoàng Trọng Huy	22	10A13
20	000084	Lê Văn Huy	4	10A13
21	000235	Lưu Gia Huy	10	10A13
22	000391	Lê Nguyễn Gia Hưng	17	10A13
23	000107	Nguyễn Đức Bảo Hưng	5	10A13
24	000185	Trần Thị Diễm Hương	8	10A13
25	000426	Lê Hà Nguyên Khoa	18	10A13
26	000457	Tôn Bảo Minh	19	10A13
27	000236	Lê Đức Nam	10	10A13
28	000380	Nguyễn Đức Nghĩa	16	10A13
29	000503	Đình Bá Ngọc	21	10A13
30	000329	Nguyễn Bảo Ngọc	14	10A13
31	000290	Nguyễn Minh Ngọc	13	10A13
32	000140	Lê Hoàng Thành Nhân	6	10A13
33	000268	Trần Thanh Phúc	12	10A13
34	000347	Phan Nguyễn Hoàng Bảo Quyên	15	10A13
35	000117	Nguyễn Xuân Quỳnh	5	10A13
36	000336	Nguyễn Thành Tài	14	10A13
37	000049	Đào Ngọc Như Thanh	3	10A13
38	000256	Trần Ngọc Thành	11	10A13
39	000035	Phạm Thị Trinh	2	10A13
40	000420	Đặng Võ Đông Trú	18	10A13
41	000458	Võ Hoàng Tuấn	19	10A13
42	000498	Nguyễn Văn Tý	21	10A13
43	000311	Nguyễn Phương Uyên	13	10A13
44	000312	Nguyễn Phúc Thảo Vy	13	10A13
45	000431	Phạm Hoàng Mai Vy	18	10A13
46	000540	Vũ Nhật Huy	23	10A13

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000174	Phạm Văn Anh	8	10A14
2	000330	Trương Võ Hoài Bảo	14	10A14
3	000051	Nguyễn Đoàn Khải Ca	3	10A14
4	000237	Nguyễn Ngọc Kim Chi	10	10A14
5	000044	Đặng Nguyễn Thùy Dương	2	10A14
6	000338	Nguyễn Hữu Hải Đăng	15	10A14
7	000203	Phan Minh Đức	9	10A14
8	000272	Trịnh Nguyễn Khánh Hằng	12	10A14
9	000538	Bùi Vũ Bảo Hân	23	10A14
10	000354	Bùi Vũ Gia Hân	15	10A14
11	000010	Hoàng Phạm Khánh Hân	1	10A14
12	000165	Văn Thị Thu Hậu	7	10A14
13	000064	Cù Minh Hiếu	3	10A14
14	000444	Phạm Hoàng Minh Hiếu	19	10A14
15	000430	Trần Hữu Minh Hiếu	18	10A14
16	000109	Phạm Minh Hoàng	5	10A14
17	000438	Dương Đức Huy	19	10A14
18	000496	Đặng Quang Huy	21	10A14
19	000037	Lý Đăng Huy	2	10A14
20	000324	Nguyễn Đăng Huynh	14	10A14
21	000472	Nguyễn Huỳnh Quốc Hương	20	10A14
22	000130	Vũ Khải	6	10A14
23	000271	Huỳnh Duy Khang	12	10A14
24	000233	Phạm Ngọc Thụy Khanh	10	10A14
25	000358	Nguyễn Vũ Phương Khánh	15	10A14
26	000313	Nguyễn Minh Khoa	14	10A14
27	000213	Nguyễn Hoàng Lâm	9	10A14
28	000442	Nguyễn Thị Thùy Linh	19	10A14
29	000200	Ngô Đức Mạnh	9	10A14
30	000011	Nguyễn Trọng Minh	1	10A14
31	000475	Mạc Minh Quân	20	10A14
32	000414	Vũ Tuấn Thành	18	10A14
33	000176	Hồ Diệp Thanh Thuận	8	10A14
34	000125	Trang Văn Thuận	6	10A14
35	000428	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	18	10A14
36	000179	Lư Kim Thư	8	10A14
37	000069	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	3	10A14
38	000403	Lại Cao Trung	17	10A14
39	000281	Phan Bảo Trung	12	10A14
40	000131	Nguyễn Minh Tuấn	6	10A14
41	000224	Ngô Đào Tuyền	10	10A14
42	000482	Nguyễn Bình Phương Uyên	20	10A14
43	000404	Thân Thụy Thảo Vy	17	10A14
44	000210	Nguyễn Phạm Hải Yên	9	10A14

**DANH SÁCH THÍ SINH THI HKII
NĂM HỌC 2020-2021**

STT	SBD	HỌ TÊN HS	PHÒNG	LỚP
1	000262	Mạch Ngọc Anh	11	10A15
2	000344	Nguyễn Quốc Anh	15	10A15
3	000082	Nguyễn Thanh Cần	4	10A15
4	000401	Khuất Tiến Duy	17	10A15
5	000409	Đỗ Linh Đan	17	10A15
6	000061	Ngô Quý Hào	3	10A15
7	000030	Trần Nguyễn Ngọc Hân	2	10A15
8	000468	Trần Thị Minh Hiếu	20	10A15
9	000328	Lê Thị Ánh Hoa	14	10A15
10	000543	Phạm Trương Phú Khang	23	10A15
11	000072	Đỗ Phạm Huy Khôi	3	10A15
12	000001	Hoàng Ngọc Minh Khuê	1	10A15
13	000076	Nguyễn Thị Lua	4	10A15
14	000031	Trương Hoàng Minh	2	10A15
15	000215	Trương Trần Anh Minh	9	10A15
16	000077	Bùi Nguyễn Trọng Nghĩa	4	10A15
17	000118	Nguyễn Võ Ngọc	5	10A15
18	000287	Trần Giáng Ngọc	12	10A15
19	000110	Trần Trọng Nhân	5	10A15
20	000495	Lê Bảo Nhi	21	10A15
21	000192	Nguyễn Thị Uyên Nhi	8	10A15
22	000553	Nguyễn Yên Nhi	23	10A15
23	000331	Nguyễn Đàm Tâm Như	14	10A15
24	000474	Trần Hoàng Oanh	20	10A15
25	000557	Nguyễn Hồng Phúc	23	10A15
26	000013	Cao Huỳnh Phước	1	10A15
27	000039	Nguyễn Minh Phương	2	10A15
28	000142	Lê Minh Quang	6	10A15
29	000461	Nguyễn Tất Hoàng Quân	20	10A15
30	000136	Hồ Sĩ Vinh San	6	10A15
31	000335	Phạm Lê Thanh Tài	14	10A15
32	000120	Hoàng Như Tâm	5	10A15
33	000563	Trần Thanh Tâm	24	10A15
34	000041	Đoàn Thị Phương Thanh	2	10A15
35	000067	Vũ Mạnh Vương Thiên	3	10A15
36	000146	Vũ Nguyễn Thủy Tiên	7	10A15
37	000189	Võ Minh Trí	8	10A15
38	000305	Kwon Mai Trinh	13	10A15
39	000452	Nguyễn Trương Quốc Trung	19	10A15
40	000373	Phạm Trọng Anh Tú	16	10A15
41	000390	Phùng Đức Anh Tuấn	17	10A15
42	000578	Phạm Gia Tuệ	24	10A15
43	000582	Lại Thảo Vy	24	10A15
44	000583	Nguyễn Thanh Xinh	24	10A15
45	000585	Trương Hoàng Yên	24	10A15
46	000539	Nguyễn Huy Hoàng	23	10A15